

外国人技能実習生の事前基礎教育

保温ベトナムハノイ学校ご説明

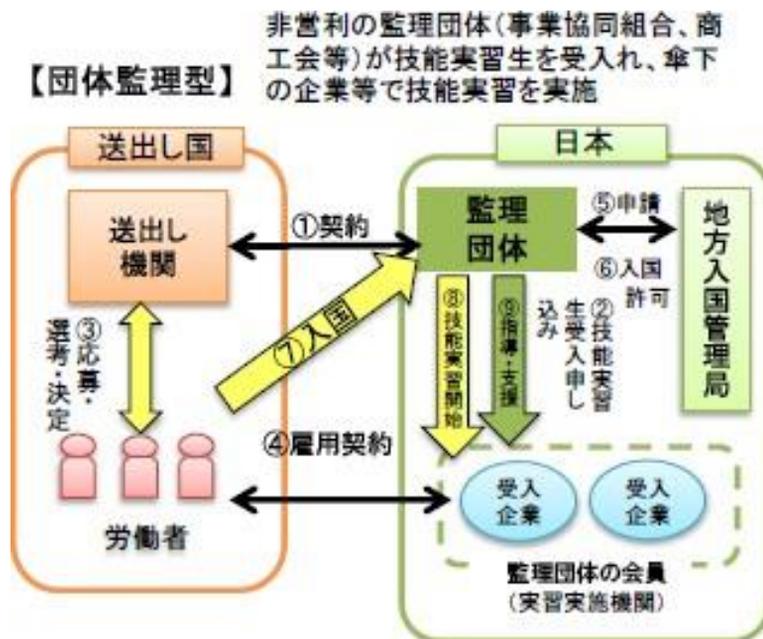
保温ベトナム実習協議会

一般社団法人 日本保温保冷工業協会の会員で組織する協議会です。2015.8より、ベトナム人技能実習生が日本の建設現場で活躍できるようにベトナムハノイで事前教育しています。ベトナム政府公認の送り出し機関・ハインデコとの共同による厳しい事前教育は4ヶ月間にわたり、日本語教育、安全教育を重点に指導します。これにより不適格者の排除を実施し、優秀な人材を確保でき、技能実習生として日本式の施工方法を修得できます。そして優秀な作業員を現地で事前育成することにより、心強いパートナーとして日本国内で活躍することが可能になります。事前基礎教育訓練を支援し、外国人実習制度の活用を図り、優秀な人材育成を通じて国際社会への貢献を果たして参ります。

【弊協議会の特長】

- 1.信頼できるベトナム政府公認の送り出し機関ハインデコで適正な送り出し行為を実施している。
- 2.ハノイにて保温学校を4カ月実施し適性な実習生を選抜している。(不適格者の排除、安全教育の徹底)
- 3.日本国内では日本保温協会会員会社が責任を持って実習活動を行っています。

現行の外国人技能実習制度の仕組み(団体監理型)



保温ベトナム実習協議会

野田工業(株)、(株)ショーケン、島工業(株)、黒姫断熱(株)、(株)ミヤデラ断熱

【向井建設チーム・一般社団法人 日本保温保冷工業協会所属】

<http://www.hoon-vietnam.jp/>

受入企業（会員会社）

保温協会にて参加企業を募集

受け入れ団体:保温ベトナム実習協議会に入会
<http://www.hoon-vietnam.jp/>

現在参加企業:野田工業(株)、(株)ショーケン、
島工業(株)、黒姫断熱(株)、(株)ミヤデラ断熱

協議会は向井建設(株)チーム

保温ベトナム実習協議会

ハノイ保温学校
政府公認 ハインデコ

ベトナム政府公認送り出し機関ハインデコ
:ハノイ近郊学校

<http://www.haindeco.com.vn/>

選抜試験の1ヶ月前に募集

実習候補生の選抜試験(数学・体力・面接)
1組20名選抜。健康診断後合格通知

実習生の募集

選抜試験

事前講習

ハノイ保温学校で4ヶ月間の講習・選抜

- * 日本語の取得:N5取得と同等
- * 建設現場における安全知識
- * 日本の習慣と挨拶・マナー
- * 専門技術(保温)教育

⇒不適格者は退校させる



入国審査

受入企業が法務省入国管理局に就労
ビザ申請(2~3ヶ月掛かる)

入国

法務省認定監理団体が担当

監理団体

日本国内で監理団体による法定講習を
1ヶ月160時間受講

法定講習

日本国内では監理団体が実習制度を
法定通りか監督する

就労・企業配属

基本3年間、希望により+2年間

実習生の応募は選抜試験の1ヶ月前から行い。募集人数の4倍の応募がある

選抜試験スケジュール

数学の試験

一般常識の試験

体力測定

面接試験



90分

下記試験、中学程度の試験

腕立て、90回腕立て出来る子もいる

合格候補者は身体検査を受診し健康体の候補者を合格とする 15名の募集に対し100名近い応募有り。全員18~30歳。

一般常識のテスト

一般教養問題 Câu hỏi về kiến thức cơ bản

No. _____ name _____

- ベトナムの主な農産物の輸出産品は何ですか。
Các sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là gì?

- ベトナムの環境として、どんな問題が起きていますか。
Về môi trường của Việt Nam thì có vấn đề gì đang xảy ra?

- ベトナムの人口は何万人ですか。
Dân số Việt Nam có bao nhiêu vạn người?
万人 _____ 万人
- 都市に人口が集中して起こる問題は何ですか。
Việc tập trung đông dân số ở thành phố sẽ xảy ra những vấn đề gì?

- 日本の企業の名前を書きなさい。
Hãy viết tên doanh nghiệp của Nhật Bản

- 日本の知っている歌を書いてください。
Hãy viết những điều mà bạn biết về Nhật Bản

- 日本の為替はいくらですか。
Tỉ giá hối đoái của Nhật Bản là bao nhiêu?
1 \$ (1 đô la) = _____ ¥ (yên Nhật) 1 ¥ (yên Nhật) = _____ VND (Việt Nam đồng)
- 日本の近くの国を書きなさい。
Hãy viết tên đất nước gần Nhật Bản

数学のテスト

健康診断後合格通知

次問問題

[1] 計算をしなさい

- $37 - 16 - 18 =$
- $19 + 10 - 25 =$
- $62 - 16 + 11 =$
- $47 - 14 - 7 =$
- $18 \times 25 =$
- $37 \times 12 =$
- $16 \div 4 =$
- $28 \div 7 =$
- $44 \div 11 =$
- $16 \div 2 =$

[2] 計算をしなさい

- $12 \times 8 + 8 \times 6 + 54 =$
- $15 \times 4 + 31 \times 2 + 40 =$
- $89 \div 9 + 30 \div 6 + 15 =$
- $90 \div 3 + 57 \div 3 + 18 =$
- $115 \times 4 + 99 \div 3 + 15 =$

[3] 計算をしなさい

- $X - 2 = 14$ $X =$
- $\frac{X}{7} = \frac{4}{26}$ $X =$
- $\frac{-5}{Y} = \frac{10}{54}$ $Y =$
- $\frac{6}{63} = \frac{5}{Y}$ $Y =$
- $\frac{1}{2} = \frac{X}{10}$ $X =$

[4] 計算をしなさい

- $X = 7Y = 4Z = 1$ $XYZ =$
- $X = 8Y = 4Z = 2$ $3XYZ =$
- $X = 9Y = 4Z = 3$ $8XYZ =$
- $X = 5Y = 4Z = 4$ $\frac{3}{Y} + \frac{Z}{X} =$
- $X = 5Y = 4Z = 5$ $\frac{Y}{4} + \frac{Z}{5} =$

[5] C, D を求めなさい

- $C + D = 10$
- $D - C = 4$
- $C =$
- $D =$

[6] 面積を求めなさい

(a) 面積を求めなさい

(b) 面積を求めなさい

[7] 方程式を解きなさい

- $Y = X^2$ $X =$
- $Y = X + 1$ $Y =$

事前講習スケジュール (4ヶ月間・1期参考例)

	評価試験	H27/8月	9月	10月	11月	12月
【日本語】						
ひらがな・カタカナ	2回		■			
日本語の文法	9回		■	■	■	
日本語の聞き取り	9回		■	■	■	■
漢字の読み書き	6回			■	■	■
日本語の会話	6回			■	■	■
日本の習慣とマナー				■		■
安全衛生	3回			■	■	■
専門知識(保温)	3回			■	■	■
日本語能力試験	3回				■	■

10日
入校式

12日
修校式

日本語教育

日常会話ができるくらいの日本語を勉強
ベトナム人日本語教師が教える

ひらがな・カタカナ

日本語の聞き取り

日本語の文法

日本語の書き取り

日本語の会話

評価試験試験



日本語能力試験 N5レベルと同レベルまで教育を行います。

安全教育

ラジオ体操

指差呼称

安全標識の意味

安全の言葉の意味

保護具の説明

危険予知活動

現場での安全用語をマスターさせる
漢字も覚えさせる
↓ 指差呼称



火気厳禁
かきげんきん
cấm lửa



立入禁止
たちいりきんし
cấm vào



禁煙
きんえん
cấm hút thuốc

★18  (Mũ bảo hiểm) ヘルメット	★19  (Vành đai an toàn) あんぜんたい 安全帯
20  (Găng tay làm việc) ぐんて 軍手	21  (Mặt nạ bụi) ぼろじんますく 防塵マスク
★22  (An toàn giày) あんぜんぐつ 安全靴	23  (Kính) ゴーグル

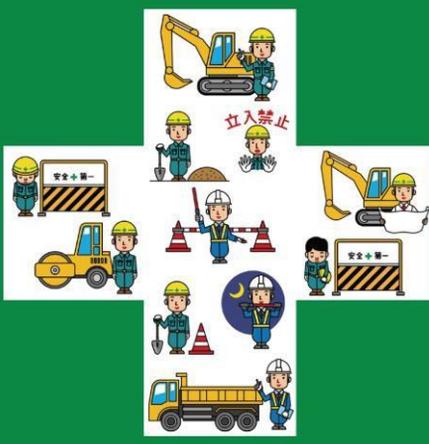
資料・写真・ビデオ等で講習



↓ 建設業振興基金作成
ベトナム語安全資料

建設作業員の安全

Safety of the construction industry workers
An toàn lao động đối với công nhân xây dựng



ベトナム建設人材育成推進協議会
Vietnam construction Human Resources Development Promotion Council
Hội hội đào tạo, thúc đẩy phát triển nhân lực xây dựng Việt Nam

12 可搬式作業台作業

各作業員より独自のルールが決められそれぞれに遵守すること

- 作業開始前、足場、脚材のゆるみ、ストッパー等を点検しているか
- 手に荷物を持って昇降しない。必ず作業台に荷がけして昇降する。
- 脚材に押し寄りたり寄りしない。
- 足場の上で作業しない。
- 最大荷重以下で使用する。
- 天板の上で脚立等の使用しない。
- 移動すりに体重をかけないこと。

13 仮設ゴンドラ作業

- 作業開始はワイヤーロープとは別の場所に取り付ける
- 作業中に降下、急行ワイヤーロープを取り付け場所を点検する
- 作業開始は作業員1人に対して1本を使用する
- 一本のワイヤーロープに、2本のフックワイヤーロープを取り付けること
- 有資格者が作業を行うこと
- 作業計画にもとづき作業を行うこと
- 台車を検査して、定めた台車により作業を行う
- 操作者はゴンドラ使用中、操作位置を離れないこと
- 最大運転重量をこえて乗る乗らないこと
- 監視員は台車を操作する際に行う
- 作業場所の下は作業で立入禁止区域を敷設する

12 Làm việc trên bề thi công có thể di chuyển

- Trước khi bắt đầu thi công, có kiểm tra mức chấp, bu lông, độ lỏng của phụ tùng không?
- Không mang đồ đặc lên xuống (Chỉ hàng hoá đi về phía thang khi lên xuống)
- Không gần giàn hoặc nền eo một cách quá mức
- Không đứng làm việc trên bậc thang
- Sử dụng dưới trong đã tối đa
- Không được dùng thang vào lên một giàn (Không là người ra khỏi bề thi công đã thi công được)
- Không tự người đi lên lại các phụ tùng

13 Làm việc trên bề thang nâng gondola bỏ trị tạm thời

- Chỉ cho bảo hiểm theo hướng tăng giảm và cáp treo đã được giữ ở các chốt khác nhau
- Trước khi thi công, kiểm tra thân bệ, cáp treo bệ, nơi treo cáp v.v.
- Chỉ 1 dây cáp bảo hiểm cho 1 người thi công
- Không được gắn 2 dây cáp nâng vào 1 dây cáp treo bệ
- Chỉ người có chứng chỉ thực hành thao tác (Không học song khoa đặc huấn)
- Tên hàng công việc cần chỉ vào khi hoặc thi công
- Chỉ định người ra hiệu, thi công theo dấu hiệu quy định
- Khi sử dụng thang nâng, người vận hành không được rời khỏi vị trí vận hành
- Không được tải hàng vượt quá trọng tải tối đa
- Sắp xếp người giám sát, hướng dẫn đúng cho người qua lại một cách thích hợp
- Bố trí rào chắn và cảnh không cho vào phía dưới khu vực thi công

保温技術座学

熱絶縁の基礎

材料・道具の名前

数字の単位

施工用語

施工別保温厚

空調・衛生設備

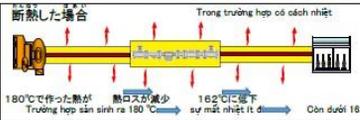
資料・写真・ビデオ等で講習



保温の基礎を習得させる 保温材料の名前を覚えさせる

2. 熱絶縁の目的 (なぜ? 保温をするのか?)
2. Mục tiêu cách nhiệt (Tại sao? Có sử dụng bảo ôn không?)

① 省エネ効果...特に熱いものに効果が大きい
① Những ứng dụng tiết kiệm năng lượng...
Đặc biệt là áp dụng cho hệ thống làm nóng đạt hiệu quả to lớn.



② 安全対策(火傷防止) Liên quan đến An toàn (Đối với hệ thống dẫn nhiệt)



③ 環境改善(室内温度を上げさせない)
Đối với môi trường (Không làm nhiệt độ trong phòng nóng lên)



④ 結露防止 - Phòng tránh việc ngưng tụ sương.



材料の名前 Tên của vật liệu

品名(Tên sản phẩm)	表示(Xem)	呼び名(Tên gọi)
① Cờ lau - ぼんたい グラスウール保温巻	例(Ví dụ) ALK24k25t	ちーる Băng bảo ôn (Sợi thủy tinh)
② Cờ lau - ぼんたう グラスウール保温筒	例(Ví dụ) 20A x 20t	かぼー Ống bảo ôn
③ Cờ lau - ぼんぼん グラスウール保温板	例(Ví dụ) ALK40k25t	ばん Tấm bảo ôn

配管の保温厚 - Độ dày cách nhiệt của hệ thống ống

呼び径 Đường kính trong	15	20	25	32	40	50	65	80	100A	125A	150A	200A	250A	300A
inc	1 1/2	2	2 1/2	3	4	5	6	8	10	12				
外径mm Đường kính trong	22	28	34	43	49	61	76	89	114	140	165	216	267	319
保温厚 - Độ dày cách nhiệt														
給水管 Ống cấp nước														
排水管 Ống thoát nước														



保温施工実習

簡単な保温技術の実習基礎をする

ALK保温筒カラー金網仕上げ



ALK24k25t亀甲金網仕上げ



習慣とマナー

挨拶の仕方

ゴミの分別

電車の乗り方

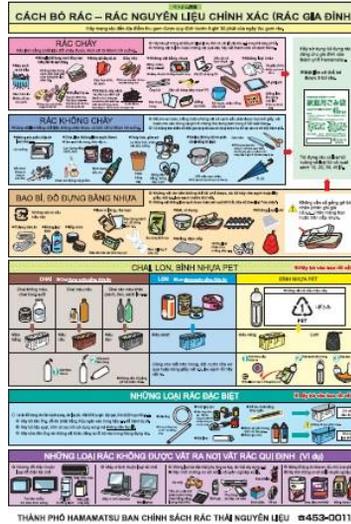
指定場所喫煙

交通ルール

集団生活のルール

報連相

ゴミ分別、スイカカードの使用方法など日本特有マナー習慣を教える



資料・写真・ビデオ等で講習

週1回評価制度 テストをして習得確認をする

確認テスト(週1回)

①	
②	
③	
④	
⑤	
報連相とは	
①	
②	
③	

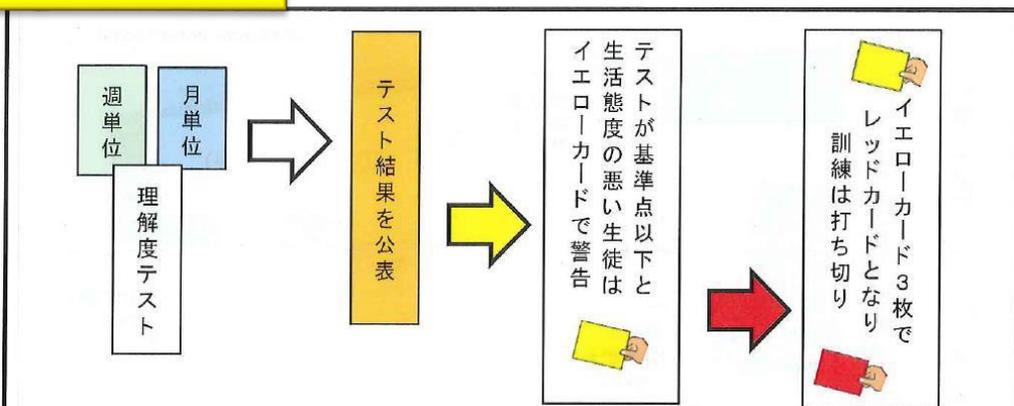
①	わが国のつかわぬものをわけてつかわぬものを捨てる。 Phân loại những đồ vật sử dụng và không sử dụng, những đồ vật không sử dụng thì vứt đi.
②	しごと かんけいしや に じょうほう を つたえる こと Thông báo về tình trạng, hay thông tin về công việc cho những người liên quan
③	せいかい せいとん せいとう の じぶん を つづける。 Sinh hoạt nề nếp và bổ sung thêm ý nghĩa cho lễ nghi: Sinh lý, nếp nếp, sinh số

テスト結果の公表

氏名	10/20												合計			
	24問	24問	40問	88問	6問	7問	20問	25問	17問	10問	20問	5問		6問	数値	数字
問題数	24	24	40	88	6	7	20	25	17	10	20	5	6	数値	118	
目標点数	16.6点	23.4点	35.6点	59.0点	75.6点	6.6点	7.6点	18.6点	17.6点	6.6点	14.6点	5.6点	6.6点	数字	97	
平均点	23.0	24.0	40.0	64.0	5.9	5.9	20.0	17.0	9.0	20.0	5.0	6.0	35.0	数字	97	
最高得点	23.0	24.0	40.0	64.0	6.0	7.0	20.0	25.0	17.0	10.0	20.0	5.0	6.0	数字	98.9	
最高得点人数	1人	9人	1人	1人	13人	10人	4人	5人	6人	1人	3人	12人	2人	2人	1人	
1 NGUYEN VAN NAM	18	23	38	61	79	6	7	19	24	16	4	19	5	6	35	106
2 グエン ヴァン ナム				5	4										5	5
3 PHAN VO DAI	21	24	38	62	83	6	7	19	23	16	6	20	5	6	35	108
4 ファン ヴォ タイ				2	3										5	2
5 MAI HONG QUAN	23	24	38	62	85	6	7	20	25	17	9	20	5	5	37	114
6 マイ ホン クワン				2	1										1	1
7 BUI QUY THIET	8	24	38	62	70	6	6	18	23	17	4	19	5	3	35	101
8 ブイ クイ ティエト				2	13										5	8
9 TRAN TRONG TOAN	17	21	36	57	74	6	4	15	16	15	8	17	4	4	30	89
10 トラン トロン トアン				10	7										14	12
11 CHU VIET BACH	13	23	38	61	74	6	7	17	6	16	5	12	5	3	33	77
12 チュ ヴィエト バック				5	7										13	13

理解度評価と指導

出来ない実習生は退学もある



態度悪い子は退学

関東甲信越保温保冷工業協会の保温ベトナム実習協議会は8月10日、ベトナムはハノイにて「ベトナムハノイ保温学校」を開校した。

同校は、関東甲信越保温保冷工業協会が、日増

ベトナムに実習生育成校

関東甲信越保温保冷協

年末にも選抜15名来日へ

しに強くなる人手不足に対し政府の海外実習制度を活用した「ベトナム人実習生導入計画」を立て、人手不足問題解決行動を推進するために開校したもの。同様のスキームによるベトナム人実習生の教育と日本での実習で実績を持つ向井建設がハノイに保有する学校の



保温学校の生徒—手前の列

本語教育と一通りの安全技術研修・日本での現場のやり方・礼儀を厳しく教える(3カ月間)、②保温工事教師を日本から1名派遣し保温研修を実施、③研修時間は9時から18時まで、④生徒は全て併設寄宿舎に合宿(不

一部を借用し、教育を始めた。予定では、その後同協会会員が、政府の海外実習生制度に則り研修生を受け入れる。受け入れ期間は3年から5年。

学校での主な教育内容は①日

日本言葉使い、マナーの素行、仕事ぶりが違う「逃亡者が無い」などの差になって現れるという。第一陣は今年の年末となる見込み。65名の候補者の中から評価上位15名を選抜し、同協会会員社4社が3〜5名を受け入れる計画。



日本保温保冷工業協会、
ニンビン省に保温学校を開校
2015/09/15 13:00 JST配信

修 校 式



一般社団法人日本保温保冷工業協会(東京都台東区)は、協会内に「保温ベトナム実習協議会」を設立し、8月10日に紅河デルタ地方ニンビン省で「保温学校」を開校した。

保温学校の開校は、日本国内における保温分野の人材不足に対応すべくベトナム人実習生を導入する計画の一環。現在、ベトナム人実習生15名を受け入れており、3か月にわたり日本語教育や安全技術研修、挨拶・ルール・マナーの教育などを行う。実習生は、2016年にも日本での現場研修を開始し、3〜5年を経てベトナムへ帰国する予定。

同協会は、ベトナム人実習生の受け入れ及び研修を行うことで、2020年に開催される東京オリンピックなど、日本国内における今後の大型プロジェクトの施工に貢献できる体制作りを目指す。

日本保温保冷工業協会は、保温保冷に関する、建設工事会社、資材販売会社、資材製造会社の510社で構成される専門業界組織。「保温・保冷」は、熱の損失を防ぐ省エネルギー対策として重要で、地球温暖化対策において不可欠な役割を担っている。